

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30/7/2025

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.*

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Hạnh Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Triệu Thị Yên và ông Lý Văn Tòng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Bé Thị H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn VH, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (cũ là tổ dân phố VH, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang).

* Bị đơn: Anh Bùi Văn H1, sinh năm 1982. Địa chỉ: Thôn VH, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (cũ là tổ dân phố VH, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang). Hiện đang chấp hành án tại Đội 46, phân trại số 2 Trại giam Ninh Khánh - Cục C10 - Bộ Công an.

Chị H, anh H1 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2025, nội dung bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bé Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bé Thị H và anh Bùi Văn H1 sau thời gian tìm hiểu tự nguyện đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, đến năm

2005 chị H anh H1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn chị H anh H1 chung sống tại tổ dân phố VH, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc không có mâu thuẫn. Đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chị H cho rằng là do anh H1 không chịu khó làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, không quan tâm đến gia đình vợ con, chị H đã cố gắng khuyên bảo nhưng anh H1 vẫn không thay đổi. Đến năm 2024 anh H1 vi phạm pháp luật và bị bắt tạm giam, cũng trong năm 2024 anh H1 bị Tòa án xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, sau đó anh H1 đi chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình, chị H và anh H1 đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, giữa chị H và anh H1 không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị H xác định tình cảm giữa chị và anh H1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Bùi Văn H1.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh H1 có 02 con chung là cháu Bùi Mai H2, sinh ngày 22/12/2005 và cháu Bùi Lý Hải Đ, sinh ngày 23/5/2011. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ, không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu H2 hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H và anh H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Văn H1 nêu quan điểm:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn H1 và chị Bé Thị H sau thời gian tìm hiểu tự nguyện đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004, đến năm 2005 chị H anh H1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh H1 và chị H chung sống tại tổ dân phố VH, TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang cuộc sống vợ chồng hạnh phúc không có mâu thuẫn, cho đến năm 2023 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh H1 cho rằng là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và phát triển kinh tế gia đình từ đó vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Năm 2024 anh H1 vi phạm pháp luật và bị bắt tạm giam và bị Tòa án xét xử về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Sau đó anh H1 phải đi chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình, giữa anh H1 và chị H đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, trong thời gian anh H1 chấp hành án chị H không quan tâm, không đến thăm gặp. Nay chị H xin ly hôn anh H1 không nhất trí ly hôn vì anh xác định vẫn còn tình cảm với chị H, hiện nay các con chung còn quá nhỏ anh H1 mong muốn chị H rút đơn để sau khi anh chấp hành án xong vợ chồng tiếp

tục chung sống để cùng nhau nuôi dạy hai con.

Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh H1 có 02 con chung là cháu Bùi Mai H2, sinh ngày 22/12/2005 và cháu Bùi Lý Hải Đ, sinh ngày 23/5/2011. Trường hợp phải ly hôn anh H1 nhất trí để chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Đối với cháu H2 hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H1 và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bé Thị H và bị đơn anh Bùi Văn H1 đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên ý kiến, quan điểm như trong quá trình giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 13/6/2025 cháu Bùi Lý Hải Đ, sinh ngày 23/5/2011 trình bày sau khi chị Bé Thị H và anh Bùi Văn H1 ly hôn nguyện vọng mong muốn được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 143, 144, 147 các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bé Thị H, cho chị Bé Thị H được ly hôn anh Bùi Văn H1. Không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Bùi Văn H1.

Về con chung: Giao cháu Bùi Lý Hải Đ, sinh ngày 23/5/2011 cho chị Bé Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Bùi Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Đối với cháu Bùi Mai H2, sinh ngày 22/12/2005 hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đề nghị xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không đề cập xem xét.

Về án phí: Chị Bé Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật; anh Bùi Văn H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng: Chị Bé Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Bùi Văn H1 có hộ khẩu thường trú tại thôn VH, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bé Thị H vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) giữ nguyên ý kiến quan điểm như trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Văn H1 vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) giữ nguyên ý kiến, quan điểm như trong biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Bé Thị H và anh Bùi Văn H1 là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn chị H và anh H1 chung sống tại thôn VH, xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị H cho rằng anh H1 không chịu khó làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời, không quan tâm đến gia đình con cái, năm 2024 anh H1 vi phạm pháp luật và bị bắt tạm giam, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh Bùi Văn H1 xác nhận quá trình kết hôn và chung sống đúng như chị H trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh H1 và chị H, anh H1 cho rằng do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và phát triển kinh tế gia đình nên dẫn đến mâu thuẫn, anh H1 và chị H đã sống ly thân do anh H1 phải chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh, tỉnh Ninh Bình - Cục C10 – Bộ Công an. Chị Bé Thị H có đơn khởi kiện ly hôn anh H1 không nhất trí ly hôn vì xác định tình cảm giữa anh H1 và chị H vẫn còn, mong muốn được đoàn tụ.

Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù chị H và anh H1 xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là khác nhau nhưng mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 là thực tế, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 thực sự đã rất trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị H và anh H1 hiện đã sống ly thân (do anh H1 hiện đang chấp hành án tại Trại giam Ninh Khánh), vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống chung nữa, anh H1 không nhất trí ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn mong muốn được đoàn tụ, mâu thuẫn vợ chồng chưa trầm trọng là không đúng thực tế, việc anh H1 không nhất trí ly hôn và xin đoàn tụ không phải xuất phát từ sự yêu thương thực sự mà chỉ muốn ràng buộc nhau. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H xử cho chị H được ly hôn với anh H1; Không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh H1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị Bé Thị H và anh Bùi Văn H1 có 02 con chung là cháu Bùi Mai H2, sinh ngày 22/12/2005 và cháu Bùi Lý Hải Đ, sinh ngày 23/5/2011. Cháu Bùi Mai H2 hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động bình thường, chị H và anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Lý Hải Đ, sinh ngày 23/5/2011, anh H1 nhất trí giao cháu Đ cho chị H nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử giao cháu Bùi Lý Hải Đ cho chị Bé Thị H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Bé Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật; anh Bùi Văn H1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Bé Thị H, cho chị Bé Thị H được ly hôn anh Bùi Văn H1 (Giấy chứng nhận kết hôn

số 30, ngày 13/7/2005 của UBND TTVL, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang - nay là UBND xã Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang).

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Lý Hải Đ, sinh ngày 23/5/2011 cho chị Bé Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bùi Văn H1 không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Bé Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000881 ngày 03/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Bùi Văn H1 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 2 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Chiêm Hóa (nơi ĐKKH);
- Lưu HS, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh